

Phiên giao dịch ngày: 1/10/2026

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,749.30	268.66
% Thay đổi Index	↓ -1.09%	↓ -1.10%
KLGD (CP)	638,450,477	42,581,661
GTGD (tỷ đồng)	15,354.22	653.56
% Thay đổi GTGD	0.81%	8.08%

Diễn biến thị trường

VNINDEX 1749.30

Chỉ số VNINDEX -19.32 / -1.09%

HNXINDEX 268.66

Chỉ số HNXINDEX -2.98 / -1.10%

UPINDEX 126.52

Chỉ số UPIINDEX +0.21 / +0.17%

VN30 1890.57

Chỉ số VN30 -16.24 / -0.85%

Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

SBT 170.72 tỷ	VHM 61.26 tỷ	VNM -46.98 tỷ	FPT 35.66 tỷ
	HDB 61.02 tỷ	PNJ -41.00 tỷ	FUEVFNVD -32.34 tỷ
		FRT 39.93 tỷ	GEE -31.06 tỷ
TCB -86.08 tỷ	PLX 51.19 tỷ	GMD 30.42 tỷ	
		VIB 39.73 tỷ	VIC -27.97 tỷ
MSB -69.33 tỷ	MSN 50.60 tỷ	STB -35.96 tỷ	VPB -27.37 tỷ

Biến động nhóm ngành

Hàng Tiêu dùng	0.19%
Tài chính	-2.06%
Công nghệ Thông tin	-0.49%
Ngân hàng	-0.69%
Dầu khí	0.52%
Tiện ích Cộng đồng	-0.10%
Dược phẩm và Y tế	0.00%
Dịch vụ Tiêu dùng	-1.32%
Công nghiệp	-0.51%
Nguyên vật liệu	-0.72%

Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Thị trường bắt đầu quý IV/2026 tiếp tục diễn biến kém tích cực. VNINDEX giảm điểm phiên thứ 4 liên tiếp với áp lực giảm điểm mạnh hơn. VNINDEX giảm điểm đầu phiên, áp lực bán gia tăng mạnh hơn trong phiên chiều. Tập trung ở các cổ phiếu vốn hóa lớn, ngân hàng, các cổ phiếu đã có giai đoạn tăng giá mạnh. Kết phiên VNINDEX giảm 19,32 điểm (-1,09%) về mức 1.749,30 điểm. VN30 giảm 16,24 điểm (-0,85%) về mức 1.890,57 điểm, dưới kháng cự tâm lý 1.900 điểm.

Độ rộng trên HOSE tiêu cực với 172 mã giảm giá. Áp lực bán ở nhóm bất động sản, ngân hàng, tiêu dùng, chứng khoán vốn hóa lớn, hóa chất... các mã đã có giai đoạn tăng giá mạnh. Phục hồi ở nhóm năng lượng - dầu khí, phân bón, thủy sản, viễn thông... với 103 mã tăng giá và 76 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường giảm, khối lượng giao dịch khớp lệnh giảm -10,9% so với phiên trước. Thị trường phân hóa, áp lực bán mạnh tập trung ở các mã đã có giai đoạn tăng giá mạnh. Khối ngoại giảm mạnh quý mô bán ròng với giá trị -79,7 tỷ đồng trên HOSE trong phiên hôm nay.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn 411GA000 kết phiên ở mức 1.895,0 điểm, giảm -0,70%. Chênh lệch dương 4,43 điểm so với VN30. Các kỳ hạn 411GB000, 411GC000, 411H3000 chênh lệch từ -3,07 điểm đến 6,93 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch kỳ hạn 411GA000 giảm -3,4% so với phiên trước. Các trade giảm các vị thế giao dịch. Vẫn ưu tiên phòng ngừa rủi ro khi xu hướng VN30 suy yếu. Xu hướng ngắn hạn 411GA000 kém tích cực, kháng cự tâm lý 1.900 điểm, hỗ trợ tâm lý 1.880 điểm. Khối lượng mở OI kỳ hạn 411GA000 là 37.395, tăng các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn VNINDEX tiếp tục suy yếu dưới kháng cự mạnh quanh 1.800 điểm tương ứng vùng giá trung bình 200 phiên. VNINDEX đang chịu áp lực điều chỉnh về quanh 1.730 điểm - 1.750 điểm. Xu hướng ngắn hạn VNINDEX chỉ có thể cải thiện xu hướng nếu vượt lên lại 1.800 điểm.

Thị trường đã bắt đầu quý IV. Kết thúc quý III, thanh khoản tiếp tục trong xu hướng giảm kéo dài 05 quý liên tiếp. Trên HOSE thanh khoản tháng 9 đạt 16.459 ngàn tỉ đồng, tương đương 60% so với trung bình năm 2025. Điều này thể hiện tình trạng tiến thoái lưỡng nan của dòng tiền trong thị trường. Mặc dù mức vốn hóa của thị trường vẫn đang tương đối hợp lý khi xét triển vọng của nền kinh tế. Tuy nhiên dòng tiền, thanh khoản chưa cải thiện, bởi lẽ sẽ rất khó gia tăng đầu tư trong bối cảnh nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Hiện tại ngoài nhóm Năng lượng - Dầu khí, Bảo Hiểm vẫn đang duy trì xu hướng tăng trưởng. Các nhóm ngành còn lại xu hướng giá ngắn trung hạn vẫn trong quá trình điều chỉnh, tích lũy kéo dài, không có nhiều cơ hội đầu tư vượt trội. Tuy nhiên thị trường vẫn có các doanh nghiệp chất lượng, tăng trưởng tốt có mức P/E, P/B thấp so với lịch sử, mức PE từ 4-8, mức hợp lý để xem xét đầu tư. Nhà đầu tư có thể đánh giá, xem xét các cơ hội đầu tư, dựa trên triển vọng tăng trưởng của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

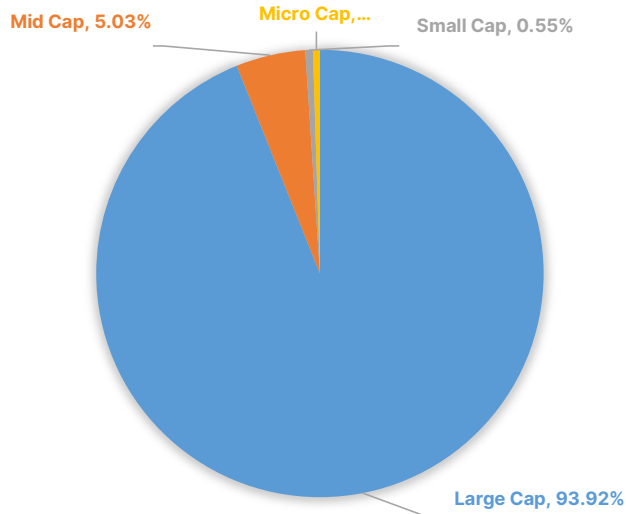
Mã CK	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng hỗ trợ tăng trưởng (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Giao dịch (GD)	FA Rank	TA Rank
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận			
DPM	22.40	22.0	26-27	21.0	8.6	31.8%	124.9%	Theo dõi GD	74	32
PVP	21.60	20.0	22.5-23.5	19.5	6.9	29.7%	199.8%	Theo dõi GD	73	92
DRI	15.50	14.8	15.5-16	14.2	5.1	113.6%	191.7%	Theo dõi GD	87	85
BVH	74.50	72.5	76-78	71.0	16.7	0.4%	55.4%	Theo dõi GD	75	71
VOS	11.60	11.4	13-13.5	11.1	4.1	10.3%	301.7%	Theo dõi GD	76	44
FRT	146.60	142.0	146-150	137.0	23.1	37.2%	187.8%	Theo dõi GD	75	63
VPB	23.30	22.6	25.5-26	22.0	6.2	56.8%	72.4%	Theo dõi GD	81	72
DPR	38.45	37.8	44-45	36.0	9.3	39.1%	55.8%	Theo dõi GD	80	39
VTO	11.10	11.0	14-15	10.5	4.9	27.1%	156.1%	Theo dõi GD	74	64

BẢNG ĐỊNH LƯỢNG TƯƠNG QUAN CÁC NHÓM NGÀNH

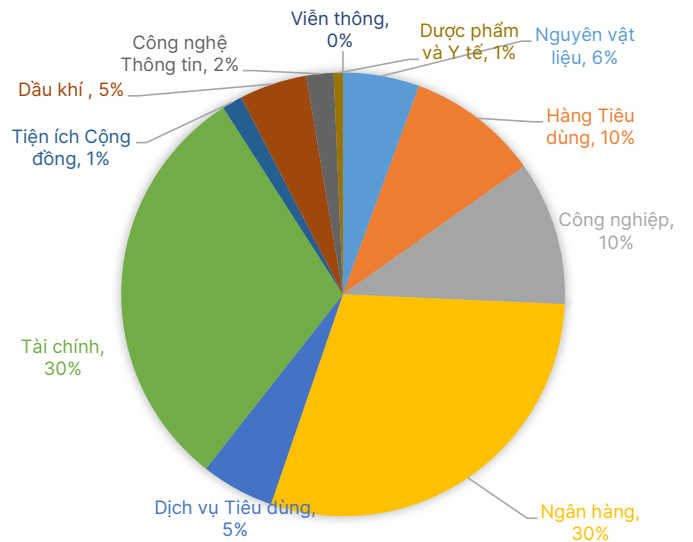
Xu Hướng \ Thông Số	Bất Động Sản	Cảng- Vận tải	Cao Su TN	Chứng Khoán	Công Nghệ- Viễn Thông	Dầu Khí	Dệt May-Da Giày	Khu Công Nghiệp
Trung dài hạn	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Tích Luy	Duong_Giam	Tích Luy	Am_Giam	Tích Luy	Duong_Tang	Am_Tang	Tích Luy
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	247.1	-120.4	-238.0	281.3	266.1	-182.4	296.7	-227.7
Tương quan- VNINDEX	Yếu hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Mạnh hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Mạnh hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	VIC	PHP	TRC	TVS	VTP	PVP	TET	VGC
	VPI	GMD	DRI	HCM	VGI	PVT	TVT	GVR
Xu Hướng \ Thông Số	Bảo Hiểm	Bán Lẻ	Thép	Thủy Sản	Xây Dựng- VLXD	Ngân Hàng	Phân Bón- Hóa Chất	Hàng Không
Trung dài hạn	Tang Truong	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Điều Chỉnh	Suy Giảm	Suy Giảm
Ngắn trung hạn	Tang Truong	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Suy Giảm	Điều Chỉnh	Tích Luy	Tích Luy
Dòng tiền trung hạn	Duong_Tang	Duong_Giam	Tích Luy	Am_Giam	Am_Tang	Am_Tang	Tích Luy	Duong_Giam
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-266.2	201.4	277.0	309.2	281.6	200.7	177.7	198.3
Tương quan- VNINDEX	Yếu hơn-Mạnh hơn	Không đổi-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Không đổi-Kém hơn
Cổ phiếu TOP	BVH	PET	TVN	SEA	DHA	MSB	DHB	VJC
	PRE	DGW	SMC	ANV	VLB	VBB	BFC	SAS
Xu Hướng \ Thông Số	Điện	Nông Nghiệp	Dược	VNIndex	VN30	HNXIndex	UPCOM	% Ngành tăng
Trung dài hạn	Suy Giảm	Suy Giảm	Suy Giảm	Tang Truong	Tang Truong	Tích Luy	Tang Truong	26
Ngắn trung hạn	Tích Luy	Tích Luy	Tích Luy	Điều Chỉnh	Điều Chỉnh	Suy Giảm	Tích Luy	17
Dòng tiền trung hạn	Am_Tang	Tích Luy	Am_Tang	Am_Tang	Tích Luy	Am_Giam	Am_Tang	22
Hệ số VIX (normal - 200 > +200)	-229.6	295.8	-218.1	245.2	223.4	286.4	140.1	22
Tương quan- VNINDEX	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Kém hơn	35	Yếu hơn-Kém hơn	Yếu hơn-Kém hơn	Tốt hơn-Mạnh hơn	
Cổ phiếu TOP	PGV	SBT	DCL					
	TDB	NAF	DBT					

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	Vốn Hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	1,707,681	13.9%	2,752	79.9	10.0
VHM	561,894	32.6%	9,730	7.0	2.1
VCB	481,287	17.9%	4,984	11.6	1.9
BID	275,738	17.7%	4,250	8.3	1.4
TCB	233,846	14.8%	3,829	8.6	1.3

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	49,042,306	17.3%	2,541	4.5	0.7
SSI	31,341,300	13.4%	1,753	11.5	1.5
SBT	27,104,493	7.3%	914	24.7	1.7
VIX	26,670,200	16.5%	2,156	5.6	1.0
TCB	24,598,400	14.8%	3,829	8.6	1.3

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BFC	↑ 6.9%	18.2%	4,535	11.9	2.1
TNC	↑ 6.9%	13.5%	2,534	11.3	1.4
HSL	↑ 6.9%	0.7%	80	119	0.8
DCL	↑ 6.9%	-0.2%	(31)	(1,505)	2.3
NHA	↑ 6.9%	3.3%	355	20.6	0.7

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PNC	↓ -7.0%	-6.9%	(1,164)	(18.9)	1.4
PNJ	↓ -7.0%	18.4%	4,780	5.2	0.9
CCC	↓ -7.0%	6.5%	968	6.1	0.4
PET	↓ -6.9%	13.1%	2,047	25.9	3.3
KOS	↓ -6.8%	1.2%	127	124.7	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	7,552,502	7.3%	914	24.7	1.7
VIB	2,967,941	15.7%	1,990	6.7	1.0
HDB	2,180,490	23.9%	3,895	7.2	1.6
PLX	1,387,300	12.5%	2,527	14.5	1.8
MBB	1,008,158	20.7%	3,243	6.0	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	(4,833,000)	13.7%	1,573	9.0	1.2
TCB	(2,630,600)	14.8%	3,829	8.6	1.3
PNJ	(1,656,585)	18.4%	4,780	5.2	0.9
VND	(1,471,000)	12.8%	1,773	7.7	1.0
VPB	(1,170,999)	16.6%	2,982	7.8	1.3

TIN NỔI BẬT

PMI tháng 9/2026: Tốc độ tăng sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đã chậm lại

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng™ (PMI®) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global giảm xuống 51,9 trong tháng 9 từ mức 53,3 của tháng 8, cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất cải thiện ở mức nhẹ vào thời điểm cuối quý 3. Sản lượng tiếp tục tăng đáng kể trong tháng 9, tiếp tục chuỗi thời gian tăng bắt đầu từ tháng 5/2025. Tuy nhiên, tốc độ tăng đã chậm lại so với tháng 8. Số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài giảm mạnh, và tốc độ giảm là nhanh nhất kể từ tháng 4. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã giảm, chi phí nhiên liệu và dầu tiếp tục tăng, và hoạt động vận chuyển quốc tế chậm trễ đã góp phần làm thời gian giao hàng bị kéo dài.

Bộ Tài chính: Tỷ lệ giải ngân dự án trọng điểm ngành giao thông mới đạt 40,7%

Hoạt động giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 có nhiều điểm tích cực hơn so với năm 2025. Với sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự chủ động, quyết liệt của các Bộ, ngành, địa phương, tỷ lệ giải ngân chung của cả nước đến nay đã đạt 57%. Tuy nhiên, các dự án lĩnh vực giao thông lại đạt tỷ lệ giải ngân thấp, khoảng 40%, trong khi đây là các dự án chiếm tỷ trọng vốn cao trong tổng vốn đầu tư (khoảng 25,5%). Tác động lớn đến tiến độ chung của cả nước và tốc độ tăng trưởng kinh tế, khả năng kết nối hạ tầng và không gian phát triển kinh tế. Thông tin trên được Bộ Tài chính đưa ra trong buổi họp phối hợp với Bộ Xây dựng, ngày 29/9.

Dow Jones giảm gần 450 điểm, khép lại tháng 9 trong sắc đỏ

Kết phiên 30/9, S&P 500 giảm 0,25%, đánh mất đà tăng trước đó và đóng cửa ở 7.651,54 điểm. Nasdaq Composite tăng 0,24%, lên 26.861,06 điểm, trong khi Dow Jones Industrial Average giảm 0,86%, tương đương 443,87 điểm, xuống 50.906,05 điểm. Chỉ số giá chỉ tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 8 tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước, giảm từ mức 3,7% của tháng trước. PCE lõi tăng 3,0% so với cùng kỳ, giảm từ 3,3% trong tháng trước, thấp hơn dự báo của giới kinh tế. Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm ở mức 5,298%

SHS chi trả cổ tức tiền mặt 5%, chia sẻ giá trị cùng cổ đông trên hành trình tăng trưởng mới

Ngày 29/9/2026, HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) ban hành Quyết định số 57/2026/QĐ-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền. Theo quyết định, SHS chi trả cổ tức với tỷ lệ 5% mệnh giá, tương ứng 500 đồng/cổ phiếu, tổng giá trị 449,73 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền là 09/10/2026 và ngày thanh toán là 16/10/2026. Chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% và dự kiến triển khai phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 5% để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Không chỉ mang lại lợi ích trong hiện tại, chính sách này còn thể hiện định hướng gắn kết lợi ích của cổ đông với sự phát triển dài hạn của SHS trên hành trình tăng trưởng bền vững và hiện thực hóa sứ mệnh “Kiến tạo Tài chính Thịnh vượng”

PNJ muốn phát hành riêng lẻ 550 triệu cp, vượt lượng đang lưu hành

CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) vừa bổ sung 2 nội dung quan trọng vào tài liệu ĐHCĐ bất thường, dự kiến tổ chức ngày 21/10. Công ty muốn chào bán riêng lẻ tối đa 550 triệu cp và hoàn nhập tối đa 4,6 ngàn tỷ đồng Quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Quy mô chào bán gây chú ý khi PNJ hiện có hơn 511 triệu cp lưu hành. Nếu phát hành đủ, lượng cổ phiếu mới tương đương 107% số hiện có, đưa tổng lượng lưu hành lên 1,06 tỷ cp. Với CĐ hiện hữu không tham gia đợt chào bán, tỷ lệ sở hữu có thể giảm hơn một nửa.

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám Đốc Trung tâm Phân Tích

Ngô Thế Hiến

Hien.nth@shs.com.vn

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tấn Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ: Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.

Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà SHB Đà Nẵng, số 06 Nguyễn Văn Linh, P.

Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777. Fax: (84-511)-352 5779.

Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, Tp.HCM

Tel: (84-8)-3915 1368. Fax: (84-8)-3915 1369

Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888. Fax: (84-24)-3818 1688.

Email: contact-hcm@shs.com.vn